UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 625 /XN-UBND	*Thanh Hoá, ngày* 11 *tháng* 11 *năm 2026*

GIẤY XÁC NHẬN

Đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện dự án "Đường giao thông từ xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh đi xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân" (nay là xã Xuân Du đi xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa), đoạn từ Km6+00 đến Km7+165,18

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường giao thông từ xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh đi xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân;

Xét Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày 12/10/2026 kèm theo hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án (đoạn từ Km6+00 đến Km7+165,18) của Công ty TNHH Một thành viên 172;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2221/TTr-SCT ngày 09/11/2026.

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận Công ty TNHH Một thành viên 172 (Mã số doanh nghiệp số 2801484444 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2009; địa chỉ trụ sở chính: thôn Cộng Thành, xã

Xuân Du, tỉnh Thanh Hóa) đã đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thi công dự án "Đường giao thông từ xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh đi xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân" (nay là xã Xuân Du đi xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa), đoạn từ Km6+00 đến Km7+165,18, với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: Đất làm vật liệu san lấp.

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: Trong phạm vi thực hiện dự án Đường giao thông từ xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh đi xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân (nay là xã Xuân Du đi xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa), đoạn từ Km6+00 đến Km7+165,18.

3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản: 25.589,58 m^2.

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 - Bản đồ ranh giới khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi (ở trạng thái tự nhiên): 144.633,65 m^3 (là khối lượng tối đa; khối lượng thu hồi thực tế là khối lượng đất đào không tận dụng để đắp theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận).

5. Thời gian thu hồi khoáng sản: Đến ngày 20/12/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Một thành viên 172 có trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin vị trí, khối lượng, chủng loại khoáng sản được nêu trong Bản đăng ký thu hồi của đơn vị; tổ chức thực hiện việc thu hồi khoáng sản đất làm vật liệu san lấp theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch, thời hạn nêu trên theo đăng ký của đơn vị; chỉ thu hồi trong phạm vi mặt bằng đã được Chủ đầu tư bàn giao, phần diện tích chưa được bàn giao (nếu có) chỉ được thu hồi sau khi hoàn thành thủ tục về đất đai theo quy định.

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào Ngân sách nhà nước đối với khối lượng đất được thu hồi trước khi tiến hành thu hồi; phải thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Lập sổ theo dõi khối lượng vận chuyển có xác nhận của đơn vị tư vấn giám sát; kê khai, báo cáo khối lượng thu hồi trung thực, đầy đủ về Sở Công Thương, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Xuân Du và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo.

- Ưu tiên cung cấp đất san lấp để phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước khác trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có khoáng sản mới ngoài loại khoáng sản đăng ký nêu trên, Công ty TNHH Một thành viên 172 phải dừng ngay

việc thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm liên quan đến lĩnh vực giao thông, môi trường, an toàn lao động trong quá trình thu hồi, vận chuyển khoáng sản; trước khi thu hồi, lập phương án vận chuyển (tuyến đường, phương tiện, tải trọng, thời gian vận chuyển) gửi UBND xã Xuân Du thống nhất; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 20769/SNNMT-ĐĐBĐVT ngày 26/10/2026; che chắn phương tiện, không để rơi vãi, không làm hư hỏng đường giao thông, công trình hạ tầng, trường hợp gây hư hỏng phải sửa chữa, hoàn trả.

2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Xuân Du theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi khoáng sản theo các nội dung nêu trên của đơn vị; Sở Công Thương hướng dẫn, đôn đốc Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước khi thu hồi và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

3. UBND xã Xuân Du (chủ đầu tư dự án) chịu trách nhiệm toàn diện về việc chấp thuận Công ty TNHH Một thành viên 172 là nhà thầu thi công thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án; quản lý chặt chẽ mặt bằng thi công; nghiệm thu, xác nhận khối lượng đất đào không tận dụng để đắp làm cơ sở xác định khối lượng thu hồi thực tế; rà soát, giảm trừ chi phí vận chuyển, đổ thải đất thừa trong dự toán, hợp đồng thi công tương ứng với khối lượng khoáng sản Công ty được thu hồi, không để thất thoát ngân sách nhà nước; thống nhất phương án vận chuyển và giám sát việc vận chuyển khoáng sản trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật nếu để đơn vị lợi dụng việc khai thác khoáng sản trái phép, không đúng các nội dung nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này do sự thiếu kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở: Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân Du;
- Công ty TNHH Một thành viên 172;
- Lưu VT, CNXD (T11.37).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận số /XN-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	**Hệ toạ độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục 105^0 múi chiếu 3^0)*	
1	2181341,01	551897,17
2	2181335,98	551919,50
3	2181334,96	551937,02
4	2181321,37	551949,69
5	2181301,20	551982,27
6	2181299,16	552021,47
7	2181247,51	552098,54
8	2181247,79	552119,91
9	2181237,95	552134,49
10	2181256,97	552186,36
11	2181264,01	552197,54
12	2181266,52	552222,62
13	2181265,16	552239,06
14	2181269,15	552255,00
15	2181270,04	552270,47
16	2181268,72	552286,34
17	2181276,19	552314,30
18	2181288,28	552337,93
19	2181290,69	552359,27
20	2181289,37	552395,81
21	2181282,57	552422,05
22	2181275,29	552439,91
23	2181266,91	552481,28
24	2181268,91	552505,50
25	2181269,28	552517,26
26	2181266,22	552528,58
27	2181257,47	552547,59
28	2181233,87	552592,14

29	2181213,45	552606,99
30	2181186,25	552620,34
31	2181179,12	552633,01
32	2181171,09	552642,61
33	2181166,32	552666,88
34	2181138,41	552753,68
35	2181134,66	552775,85
36	2181135,73	552823,31
37	2181124,70	552822,86
38	2181125,45	552760,04
39	2181130,07	552744,12
40	2181144,02	552708,10
41	2181149,79	552673,53
42	2181161,41	552634,23
43	2181168,06	552623,15
44	2181176,29	552614,78
45	2181207,44	552596,76
46	2181224,62	552581,55
47	2181247,40	552543,52
48	2181247,47	552534,42
49	2181253,75	552511,74
50	2181257,68	552455,54
51	2181275,53	552391,05
52	2181278,14	552368,59
53	2181277,11	552347,41
54	2181262,74	552326,59
55	2181256,70	552287,22
56	2181253,72	552240,17
57	2181253,91	552211,34
58	2181237,76	552176,88
59	2181238,71	552166,90
60	2181218,11	552135,68
61	2181224,92	552111,38
62	2181272,45	552021,48
63	2181276,27	552001,91
64	2181270,15	552000,82
65	2181266,84	551986,70
66	2181269,76	551966,29
67	2181283,76	551943,31
68	2181295,16	551877,83

69	2181218,28	551862,40
70	2181178,90	551826,56
71	2181201,53	551803,34
72	2181234,69	551797,79
73	2181279,18	551817,82
74	2181305,73	551816,63
75	2181302,71	551833,36
76	2181314,40	551837,88
77	2181337,78	551860,74
Diện tích: 25.589,58 m^2 **Mức sâu thu hồi thấp nhất +70,84 m**		